

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA HRÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 45/NQ-HĐND

Ia Hnú, ngày 06 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Dự toán Thu – chi ngân sách năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA HRÚ
KHÓA XIII- KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 Đơn vị: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 30/12/2022 về việc thông qua Dự toán Thu – chi ngân sách năm 2023, báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Xã hội HĐND xã và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Dự toán Thu – Chi ngân sách năm 2023 như nội dung Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã Ia Hnú như sau:

I. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2023: 7.048.300.000 đồng

Trong đó:

- Thu trên địa bàn: 1.872.200.000 đồng, gồm:
 - + Thu trong cân đối: 1.728.200.000 đồng;
 - + Thu tiền sử dụng đất: 144.000.000 đồng.
- Thu bổ sung ngân sách: 5.176.100.000 đồng, gồm:
 - + Thu bổ sung cân đối: 4.798.300.000 đồng;
 - + Thu bổ sung mục tiêu: 377.800.000 đồng.

II. Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2023: 7.048.300.000 đồng

Trong đó:

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 144.000.000 đồng
- Chi thường xuyên: 6.904.300.000 đồng (bao gồm tiết

kiệm 10% theo quy định: 125.388.540 đồng).

(Có Dự toán thu – chi ngân sách kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành và các văn bản hướng dẫn.

Giao Thường trực HĐND, hai Ban HĐND xã và đại biểu HĐND xã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND xã Ia Hnú khóa XIII, kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 04 tháng 01 năm 2023./. *huy*

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện (b/c);
- UBND huyện;
- Phòng Tư pháp huyện (t/đ);
- Phòng Tài chính huyện;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Thường trực UBMTTQ xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, CVHĐ.

CHỦ TỊCH



Trần Minh Tâm

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua dự toán Thu – Chi ngân sách Nhà nước năm 2023

Kính gửi: HĐND xã khóa XIII, Kỳ họp lần thứ Sáu.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 Đơn vị: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Ủy ban nhân dân xã trình HĐND xã khóa XIII, Kỳ họp lần thứ Sáu, thông qua dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2023, cụ thể như sau:

I. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2023: 7.048.300.000 đồng

Trong đó:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Thu trên địa bàn: | 1.872.200.000 đồng, gồm: |
| + Thu trong cân đối: | 1.728.200.000 đồng; |
| + Thu tiền sử dụng đất: | 144.000.000 đồng. |
| - Thu bổ sung ngân sách: | 5.176.100.000 đồng, gồm: |
| + Thu bổ sung cân đối: | 4.798.300.000 đồng; |
| + Thu bổ sung mục tiêu: | 377.800.000 đồng. |

II. Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2023: 7.048.300.000 đồng

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|---|
| - Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: | 144.000.000 đồng |
| - Chi thường xuyên: | 6.904.300.000 đồng (bao gồm tiết kiệm 10% theo quy định: 125.388.540 đồng). |

(Có Dự toán thu – chi ngân sách kèm theo).

Vậy Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, Kỳ họp lần thứ Sáu xem xét, thông qua Dự toán thu – chi ngân sách năm 2023 để Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (trình);
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT UBMT xã (b/c);
- Các ban HĐND xã (thẩm tra);
- CT, 02 PCT UBND xã;
- Lưu: VP, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Thái Nghiêm



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

Năm 2023

(Kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND xã Ia Hru)

TT	Nội dung thu	Thu NS NN	Số thu điều tiết cho NS xã	Ghi chú
A	THU TRÊN ĐỊA BÀN	2.041.000.000	1.872.200.000	
I	Thu trong cân đối	1.841.000.000	1.728.200.000	
01	Lệ phí môn bài	38.000.000	38.000.000	
02	Thuế Giá trị GT và thu nhập DN	254.000.000	203.200.000	
03	Thu nhập cá nhân	1.161.000.000	1.161.000.000	
04	Lệ phí trước bạ	310.000.000	248.000.000	
05	Thu phí, lệ phí	67.000.000	67.000.000	
06	Thu phạt an toàn giao thông	5.000.000	5.000.000	
07	Thu khác và phạt VPHC	6.000.000	6.000.000	
II	Thu tiền sử dụng đất	200.000.000	144.000.000	
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	5.176.100.000	5.176.100.000	
I	Thu BS cân đối ngân sách	4.798.300.000	4.798.300.000	
II	Thu BS có mục tiêu	377.800.000	377.800.000	
2.1	BS KP phong trào TD ĐKXDNTM, đô thị văn minh	65.000.000	65.000.000	
2.2	Đại hội Hội ND xã	20.000.000	20.000.000	
2.4	Kinh phí mua giấy tờ, sổ hộ tịch năm 2022	6.000.000	6.000.000	
2.5	Chi các hoạt động khác và khen thưởng	24.800.000	24.800.000	
2.6	Hỗ trợ đảm bảo ANTT trên địa bàn xã	51.000.000	51.000.000	
2.7	Hỗ trợ một phần tiền ăn CBCC, BCT xã, thôn đi học	20.000.000	20.000.000	
2.9	Chi hỗ trợ kiểm soát TTHC, quản lý chất lượng ISO	10.000.000	10.000.000	
2.10	Chi hỗ trợ tiếp công dân	10.000.000	10.000.000	
2.11	Chi kê khai diện tích rừng lấn chiếm và vận động trồng rừng	7.000.000	7.000.000	
2.12	KP hoạt động tổ tự quản	164.000.000	164.000.000	
TỔNG CỘNG		7.217.100.000	7.048.300.000	



1225-2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2023

(Kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND xã Ia Hnú)

Số TT	NỘI DUNG CHI	Mã số	Dự toán chi NSNN Năm 2023	Ghi chú
	TỔNG CHI	100	7.048.300.000	
A	Chi ngân sách xã qua kho bạc	200	7.048.300.000	
I	Chi đầu tư phát triển, XD CSHT	300	144.000.000	
1	Dự kiến chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất của xã	320	144.000.000	
II	Chi thường xuyên (Chi trong cân đối)	400	6.904.300.000	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	410	962.903.290	
	Trong đó: Quỹ lương, PC, các khoản có tính chất lương, PC		670.717.490	
1.1	Chi lực lượng Xã đội	411	549.870.290	
	Chi lương, PC và các khoản theo lương		321.659.490	
	Chi chế độ LLDQ huấn luyện thường xuyên		73.495.800	
	Chi trực SSCĐ các ngày lễ, tết, trực đột xuất theo nhiệm vụ		41.445.000	
	Chi các hoạt động đảm bảo ANQP (bao gồm tuyển quân, các chế độ khác theo ND 72/2020/ND-CP)		96.943.000	
	Tiết kiệm 10%		11.327.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
1.2	Chi lực lượng Công an	412	413.033.000	
	Hỗ trợ hàng tháng công an viên		185.058.000	
	Chi hoạt động tổ tự quản		164.000.000	
	Chi an ninh và trật tự ATXH (bao gồm kinh phí BS mục tiêu)		57.577.500	
	Tiết kiệm 10%		6.397.500	
2	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục	420	65.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên		52.000.000	
	Tiết kiệm 10%		6.500.000	
	Chi phí chung		6.500.000	
3	Phụ cấp y tế thôn, làng	430	48.276.000	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	440	40.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên		33.000.000	
	Tiết kiệm 10%		4.000.000	
	Chi phí chung		3.000.000	
5	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	450	30.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên		24.000.000	
	Tiết kiệm 10%		3.000.000	
	Chi phí chung		3.000.000	
6	Chi sự nghiệp xã hội	460	30.000.000	

	Chi hoạt động thường xuyên		27.000.000	
	Tiết kiệm 10%		3.000.000	
7	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	470	4.878.298.146	
	Trong đó: Quỹ lương		3.888.757.746	
7.1	Hội đồng nhân dân	471	396.481.200	
	Chi lương, PC và các khoản theo lương		250.141.200	
	KP hoạt động Ban pháp chế, ban kinh tế HĐND xã (9trđ/ban)		18.000.000	
	Chi hoạt động theo NQ 89		113.126.000	
	Tiết kiệm 10%		10.214.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
7.2	Chính quyền xã, thôn	472	1.878.484.533	
	Chi lương và các khoản PC, hỗ trợ thôn		1.533.484.533	
	Chi hoạt động thường xuyên		194.500.000	
	Chi hỗ trợ hoạt động các thôn, làng		18.000.000	
	Tiết kiệm 10%		35.000.000	
	Chi phí chung		97.500.000	
7.3	Cấp ủy Đảng	473	922.756.300	
	Chi lương và các khoản PC, hỗ trợ thôn		713.655.900	
	Chi hoạt động theo QĐ 99		109.680.320	
	Chi học tập, triển khai các NQ, văn bản của cấp trên		57.600.000	
	Tiết kiệm 10%		20.910.040	
	Chi phí chung		20.910.040	
7.4	UB Mặt trận TQ xã	474	371.692.510	
	Chi lương và các khoản PC		310.812.510	
	Hỗ trợ hoạt động Ban MT thôn		16.200.000	
	Hỗ trợ hoạt động Ban thanh tra nhân dân		4.500.000	
	Chi hoạt động thường xuyên.		29.092.000	
	Tiết kiệm 10%		6.088.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
7.5	Đoàn Thanh niên	475	304.220.264	
	Chi lương và các khoản PC, hỗ trợ thôn		261.340.264	
	Chi hoạt động hè		5.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên.		29.092.000	
	Tiết kiệm 10%		3.788.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
7.6	Hội phụ nữ	476	288.513.530	
	Chi lương và các khoản PC, hỗ trợ thôn		247.633.530	
	Chi hỗ trợ hoạt động phòng chống bạo lực gia đình		2.700.000	
	Chi hoạt động thường xuyên.		29.092.000	
	Tiết kiệm 10%		4.088.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
7.7	Hội nông dân	477	311.051.860	
	Chi lương và các khoản PC, hỗ trợ thôn		253.171.860	
	Chi Đại hội		20.000.000	



	Chi hoạt động thường xuyên.		29.092.000	
	Tiết kiệm 10%		3.788.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
7.8	Hội cựu chiến binh	478	276.019.250	
	Chi lương và các khoản PC, hỗ trợ thôn		238.139.250	
	Chi hoạt động thường xuyên.		29.092.000	
	Tiết kiệm 10%		3.788.000	
	Chi phí chung		5.000.000	
7.9	Hội người cao tuổi, Hội chữ thập đỏ	479	105.916.000	
	Lương và các khoản theo lương		57.216.000	
	Chi mừng thọ người cao tuổi		38.700.000	
	Chi hoạt động thường xuyên (4.500.000 đồng/hội)		9.000.000	
	Tiết kiệm 10%		1.000.000	
7.10	Chi lương cán bộ hưu trí	480	23.162.700	
8	Chi hỗ trợ TT Học tập cộng đồng		25.000.000	
8.1	Chi hoạt động		22.500.000	
8.2	Tiết kiệm 10%		2.500.000	
9	Chi khác, khen thưởng		24.800.000	
10	Chi phong trào TD ĐKXDNTM, đô thị văn minh		65.000.000	
12	Chi hỗ trợ 1 phần tiền ăn cho CBCC xã, BCT xã, thôn đi học, bồi dưỡng		20.000.000	
14	Chi hỗ trợ kiểm soát TTHC và quản lý chất lượng ISO		10.000.000	
15	Chi hỗ trợ tiếp công dân (Đăng ủy: 3trđ, UB: 5trđ, HĐ: 2trđ)		10.000.000	
16	Chi điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo		10.000.000	
17	Chi phổ biến, GDPL, chuẩn tiếp cận PL và hòa giải cơ sở		20.000.000	
18	Chi kê khai diện tích rừng lấn chiếm và vận động trồng rừng		7.000.000	
19	Chi mua giấy tờ, sổ hộ tịch năm 2022		6.000.000	
20	Chi dự phòng ngân sách		133.410.080	
20	Các khoản chi khác (khi thu đạt KH sẽ trình HĐND phân bổ hoặc cắt giảm nếu thu không đạt KH)		518.612.484	
B	Chi ngân sách xã chưa qua kho bạc			

* Ghi chú: - Tổng dự toán năm 2023

7.048.300.000

- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên

125.388.540

- Dự toán còn lại được chi trong năm 2023

6.922.911.460

187. 8
42

187. 8

42

BẢNG TÍNH CHI PHÍ CHUNG NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND xã Ia Hru)

TT	Nội dung thu	Số tiền 01 tháng	Số tiền 12 tháng	Ghi chú
I	Dự kiến chi phí chung phát sinh trong năm	11.790.000	165.980.000	
01	Chi hợp đồng buru tá, hợp đồng quét dọn vệ sinh, thu quỹ, bảo vệ trụ sở	5.990.000	71.880.000	
02	Chi các hoạt động, trang trí, bánh mứt phục vụ tết Nguyên đán 2023		13.000.000	
03	Chi thăm, chúc tết, tặng quà nguyên là cán bộ xã, điểm tôn giáo trên địa bàn xã (13 suất x 500.000đ/suất)		6.500.000	
04	Dự kiến chi lễ hoa chúc mừng ĐH, kỷ niệm các ngành...		5.000.000	
05	Dự kiến sửa chữa hệ thống điện thấp sáng, hệ thống nước	250.000	3.000.000	
06	Chi mực máy phô tô và sửa chữa máy phô tô	1.000.000	12.000.000	
07	Chi tiền điện thấp sáng	3.500.000	42.000.000	
08	Chi tiền phí vệ sinh	100.000	1.200.000	
09	Chi cước internet, điện thoại	650.000	7.800.000	
10	Mua sắm vật dụng tạp vụ, vật rẻ tiền mau hỏng	300.000	3.600.000	
II	Kinh phí trừ các đơn vị	0	165.910.040	
1	Đảng ủy xã		20.910.040	
2	Hội đồng nhân dân xã		5.000.000	
3	Ủy ban nhân dân xã		97.500.000	
4	Sự nghiệp giáo dục		6.500.000	
5	Sự nghiệp VH TT		3.000.000	
6	Sự nghiệp TDTT		3.000.000	
7	Ban CHQS xã		5.000.000	
9	UBMT xã		5.000.000	
10	Đoàn TN xã		5.000.000	
11	Hội PN xã		5.000.000	
12	Hội ND xã		5.000.000	
13	Hội CCB xã		5.000.000	

Giao UBND xã quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí chung.

UBND HUYỆN CHƯ PƯH
UBND XÃ IA HRU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND xã Ia Hrí)

TT	Đơn vị	Chi thường xuyên, khoán hoạt động (đồng)				Lương, PC và các khoản có tính chất lương (đồng)	Tổng lương, PC, các khoản theo lương và chi TX (đồng)
		Chi hoạt động và các nhiệm vụ bổ sung	Tiết kiệm 10%	Chi phí chung	Dự kiến phân bổ bổ sung		
1	Đảng ủy xã	167.280.320	20.910.040	20.910.040	20.000.000	713.655.900	942.756.300
2	UBND xã	212.500.000	35.000.000	97.500.000	65.000.000	1.533.484.533	1.943.484.533
3	HĐND xã	131.126.000	10.214.000	5.000.000	68.760.000	250.141.200	465.241.200
4	Xã đội xã	211.883.800	11.327.000	5.000.000	39.852.484	321.659.490	589.722.774
5	Công an xã	57.577.500	6.397.500		64.000.000	349.058.000	477.033.000
6	UBMT xã	49.792.000	6.088.000	5.000.000	5.000.000	310.812.510	376.692.510
7	Đoàn TN xã	34.092.000	3.788.000	5.000.000	5.000.000	261.340.264	309.220.264
8	Phụ nữ xã	31.792.000	4.088.000	5.000.000	5.000.000	247.633.530	293.513.530
9	Nông dân xã	49.092.000	3.788.000	5.000.000	5.000.000	253.171.860	316.051.860
10	Cựu chiến binh xã	29.092.000	3.788.000	5.000.000	5.000.000	238.139.250	281.019.250
11	Hội NCT, CTĐ xã	47.700.000	1.000.000			57.216.000	105.916.000
12	Sự nghiệp giáo dục	52.000.000	6.500.000	6.500.000	20.000.000	0	85.000.000
13	Y tế thôn bản	0			10.000.000	48.276.000	58.276.000
14	TT học tập cộng đồng	16.242.000	2.500.000			6.258.000	25.000.000
15	Sự nghiệp VH TT	33.000.000	4.000.000	3.000.000	3.000.000		43.000.000
16	Sự nghiệp TDTT	24.000.000	3.000.000	3.000.000	8.000.000		38.000.000
17	Sự nghiệp xã hội	27.000.000	3.000.000		20.000.000		50.000.000
18	Chi lương CB hưu trí	0				23.162.700	23.162.700
19	Chi khác, khen thưởng	24.800.000			30.000.000		54.800.000
20	Chi phong trào TD ĐKXDNTM, đô thị văn minh	65.000.000					65.000.000
21	Chi hỗ trợ 1 phần tiền ăn cho CBCC xã, BCT xã, thôn đi học	20.000.000					20.000.000
22	Chi phổ biến, GDPL, chuẩn tiếp cận PL và hòa giải cơ sở	20.000.000					20.000.000
23	Chi điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo	10.000.000					10.000.000

TT	Đơn vị	Chi hoạt động và các nhiệm vụ bổ sung	Tiết kiệm 10%	Chi phí chung	Dự kiến phân bổ bổ sung	các khoản có tính chất lương (đồng)	PC, các khoản theo lương và chi TX (đồng)
24	Chi hỗ trợ kiểm soát TTHC và quản lý chất lượng ISO	10.000.000			10.000.000		20.000.000
25	Chi hỗ trợ tiếp công dân	10.000.000			10.000.000		20.000.000
26	Chi kê khai diện tích rừng lần chiếm và vận động trồng rừng	7.000.000					7.000.000
27	Chi mua giấy tờ, sổ hộ tịch năm 2022	6.000.000					6.000.000
28	Kinh phí thực hiện đề án 61				5.000.000		5.000.000
29	Chi hỗ trợ ĐH công đoàn xã				5.000.000		5.000.000
30	Chi duy tu, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý				115.000.000		115.000.000
31	Chi dự phòng ngân sách	133.410.080					133.410.080
Tổng cộng		1.480.379.700	125.388.540	165.910.040	518.612.484	4.614.009.236	6.904.300.000



1917
1918

1919
1920

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN PHÂN BỐ BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẠT 100% KẾ HOẠCH THU NGÂN SÁCH GIAO**

(Kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND xã Ia Hru)

TT	Nội dung thu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đảng ủy xã	23.000.000	Thực hiện cắt giảm nếu thu không đạt Kế hoạch giao
1.1	Chi tổ chức Hội thi Đảng viên tìm hiểu Tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh	20.000.000	
1.2	Bổ sung chi tiếp công dân	3.000.000	
2	Hội đồng nhân dân xã	70.760.000	
2.1	Bổ sung kỳ họp chuyên đề (nếu có) - 02 kỳ họp	18.760.000	
2.2	Bổ sung nhiệm vụ chi hoạt động theo NQ 89/2018/NQ-HĐND (ngoài khoản chi phục vụ kỳ họp)	20.000.000	
2.3	Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm	30.000.000	
2.4	Bổ sung chi tiếp công dân	2.000.000	
3	Ủy ban nhân dân xã	90.000.000	
3.1	Bổ sung chi hoạt động của UBND xã	50.000.000	
3.2	Chi hỗ trợ kiểm soát TTHC và quản lý chất lượng ISO	10.000.000	
3.3	Chi hỗ trợ tiếp công dân	5.000.000	
3.4	Chi công tác quản lý, bảo vệ rừng	10.000.000	
3.5	Chi hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường	5.000.000	
3.6	Chi hỗ trợ công tác y tế, dân số và hoạt động cho cán bộ y tế thôn, làng	10.000.000	
4	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục	20.000.000	
5	Sự nghiệp VHTT	3.000.000	
6	Sự nghiệp TDTT	8.000.000	
7	Đảm bảo xã hội	20.000.000	
8	Ban CHQS xã (chi quốc phòng)	39.852.484	
9	Công an xã (chi an ninh và đảm bảo trật tự ATGT)	64.000.000	
10	Hoạt động của UBMT xã	5.000.000	
11	Hoạt động của Đoàn TN xã	5.000.000	
12	Hoạt động của Hội PN xã	5.000.000	
13	Hoạt động Hội ND xã	5.000.000	
14	Hoạt động Hội CCB xã	5.000.000	
15	Chi khác, khen thưởng	30.000.000	
16	Chi thực hiện Đề án 61	5.000.000	
17	Chi hỗ trợ ĐH công đoàn xã	5.000.000	
18	Chi duy tu, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý	115.000.000	
Tổng cộng		518.612.484	

